

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Thê	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thê	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Anh Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature, likely of the auditor, written in a cursive style.

Vũ Xuân Biền ✓

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

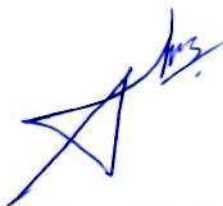
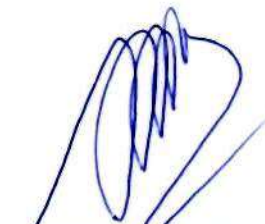
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		742.429.501.394	898.811.864.772
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.766.780.933	14.118.795.994
111	1. Tiền		55.766.780.933	14.118.795.994
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		340.180.949.818	466.872.337.738
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	297.606.449.619	418.393.103.795
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	20.548.310.244	18.854.775.107
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	43.270.461.841	47.694.466.167
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.244.271.886)	(18.070.007.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	346.380.199.199	414.904.263.638
141	1. Hàng tồn kho		346.380.199.199	414.904.263.638
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.571.444	2.916.467.402
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	101.571.444	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.916.467.402
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		625.004.156.733	587.758.337.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		125.929.762.521	133.644.402.664
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	108.967.143.986	116.333.396.529
222	- Nguyên giá		318.403.500.052	315.855.501.150
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.436.356.066)	(199.522.104.621)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	16.962.618.535	17.311.006.135
228	- Nguyên giá		22.365.266.201	22.365.266.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.402.647.666)	(5.054.260.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	335.306.408.988	291.471.553.287
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		335.306.408.988	291.471.553.287
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.990.685.224	15.865.081.777
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16.990.685.224	15.865.081.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.367.433.658.127	1.486.570.202.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		684.517.841.763	842.052.716.556
310	I. Nợ ngắn hạn		682.056.282.977	716.081.227.770
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	295.140.761.321	323.155.537.393
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		418.361.325	1.069.280.446
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.424.590.593	5.405.825.834
314	4. Phải trả người lao động		14.314.774.400	10.598.526.450
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	155.000.000	950.031.633
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.639.242.274	1.517.114.775
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	568.324.688	665.216.338
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	350.900.000.000	357.339.627.683
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.495.228.376	15.380.067.218
330	II. Nợ dài hạn		2.461.558.786	125.971.488.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.461.558.786	118.671.488.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	7.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		682.915.816.364	644.517.485.944
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	682.915.816.364	644.517.485.944
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		484.279.210.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		484.279.210.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		37.438.754.991	35.305.514.412
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89.402.582.666	116.300.812.825
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		53.137.492.825	63.469.014.044
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		36.265.089.841	52.831.798.781
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.367.433.658.127	1.486.570.202.500



Nguyễn Văn Lộc
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.955.745.772.586	3.989.388.647.918
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.469.963.611	10.499.313.219
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.948.275.808.975	3.978.889.334.699
11	4. Giá vốn hàng bán	23	4.805.112.324.643	3.797.733.158.447
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		143.163.484.332	181.156.176.252
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	36.302.323	783.454.528
22	7. Chi phí tài chính	25	21.652.526.924	16.236.804.414
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>21.638.033.324</i>	<i>16.218.947.261</i>
25	8. Chi phí bán hàng	26	40.986.908.069	61.516.836.219
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.574.963.453	30.985.084.284
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.985.388.209	73.200.905.863
31	11. Thu nhập khác	28	617.593.672	964.449.712
32	12. Chi phí khác	29	278.078.246	630.339.845
40	13. Lợi nhuận khác		339.515.426	334.109.867
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		53.324.903.635	73.535.015.730
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	10.660.092.057	14.833.017.085
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>42.664.811.578</u>	<u>58.701.998.645</u>



Nguyễn Văn Lộc
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

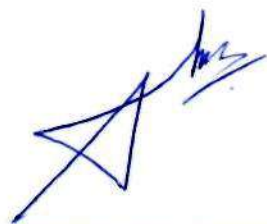
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		53.324.903.635	73.535.015.730
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.586.846.545	12.705.131.924
03	- Các khoản dự phòng		3.174.264.555	3.190.699.541
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.779.534)	43.099
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(433.522.789)	(386.918.690)
06	- Chi phí lãi vay		21.638.033.324	16.218.947.261
07	- Các khoản điều chỉnh khác		251.768.232	119.414.685
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89.539.513.968	105.382.333.550
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		125.872.098.147	153.743.148.206
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		68.524.064.439	(78.968.173.231)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(144.800.888.736)	79.829.496.235
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.227.174.891)	11.538.153.688
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.676.051.954)	(16.216.416.520)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.764.085.317)	(22.895.713.673)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.960.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.151.320.000)	(17.075.555.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.316.155.656	215.343.233.255
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.364.845.357)	(248.899.456.918)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		400.000.000	772.727.272
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.522.789	27.362.532
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(42.931.322.568)	(248.099.367.114)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.171.255.231.585	2.592.361.584.975
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.184.994.859.268)	(2.525.660.054.565)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(42.136.047.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.739.627.683)	24.565.482.660

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		41.645.205.405	(8.190.651.199)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.118.795.994	22.309.490.292
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.779.534	(43.099)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>55.766.780.933</u>	<u>14.118.795.994</u>



Nguyễn Văn Lộc
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 484.279.210.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 484.279.210.000 đồng; tương đương 48.427.921 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết cấu, tủ sắt, kết cấu, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong giai đoạn cuối năm 2022, thị trường tiêu thụ thép gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm trong khi chi phí đầu vào điều chỉnh không tương ứng dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giai đoạn cuối năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, kết quả kinh doanh năm nay sụt giảm so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết ngày 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	325.616.262	584.483.607
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.441.164.671	13.534.312.387
	<u>55.766.780.933</u>	<u>14.118.795.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-		79.950.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	99,94%	79.950.000.000	-	99,94%
Đầu tư vào Công ty liên kết	66.640.000.000	-		66.640.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	28,60%	66.640.000.000	-	28,60%
	146.590.000.000	-		146.590.000.000	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	50.152.080.994	-	155.389.379.570	-
Công Ty TNHH Ty Vân	41.089.193.653	-	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	51.924.677.427	-	9.422.945.444	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	-	-	42.712.017.846	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	29.427.291.836	-	106.356.504.295	-
Phải thu khách hàng khác	125.013.205.709	(21.244.271.886)	104.512.256.640	(18.070.007.331)
	297.606.449.619	(21.244.271.886)	418.393.103.795	(18.070.007.331)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương mại và Sản xuất Minh Khánh	3.167.814.380	-	4.848.000.000	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	3.800.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	6.891.513.354	-
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	2.502.500.000	-	2.502.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.186.482.510	-	4.612.761.753	-
	20.548.310.244	-	18.854.775.107	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	90.600.000	-	239.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	5.760.000.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	41.476.104.535	-	41.476.104.535	-
Chi hộ	1.703.757.306	-	-	-
Phải thu khác	-	-	219.261.632	-
	43.270.461.841	-	47.694.466.167	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	1.703.757.306	-	-	-
	1.703.757.306	-	-	-
Bên khác				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*) UBND Xã Đạo Đức (*) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên Đối tượng khác	41.280.858.535 195.246.000 - 90.600.000	- - - -	41.280.858.535 195.246.000 5.760.000.000 458.361.632	- - - -
	41.566.704.535	-	47.694.466.167	-
	43.270.461.841	-	47.694.466.167	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
UBND Xã Đạo Đức	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	3.545.354.264	11.817.847.549	5.908.923.774
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	810.695.045
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	3.545.354.264	24.789.626.150	6.719.618.819

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.526.561.487	-	51.880.694.176	-
Nguyên liệu, vật liệu	71.927.638.777	-	111.105.414.089	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.568.445.596	-	7.197.313.123	-
Thành phẩm	251.356.567.702	-	244.720.842.250	-
Hàng hoá	985.637	-	-	-
	346.380.199.199	-	414.904.263.638	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	335.306.408.988	291.471.553.287
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City	326.731.863.534	282.897.007.833
	335.306.408.988	291.471.553.287

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối kỳ	<u>22.295.441.201</u>	<u>69.825.000</u>	<u>22.365.266.201</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.984.435.066	69.825.000	5.054.260.066
- Khấu hao trong kỳ	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối kỳ	<u>5.332.822.666</u>	<u>69.825.000</u>	<u>5.402.647.666</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.311.006.135	-	17.311.006.135
Tại ngày cuối kỳ	<u>16.962.618.535</u>	<u>-</u>	<u>16.962.618.535</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.400.099.480 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	101.571.444	-
	<u>101.571.444</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.176.294.781	5.352.759.377
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.800.000.000	5.040.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.930.046.279	1.652.709.280
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.148.586	2.379.107.985
Chi phí quảng cáo	97.760.452	960.181.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	466.435.126	480.324.081
	<u>16.990.685.224</u>	<u>15.865.081.777</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	169.193.407.415	117.553.330.384	27.510.188.633	1.598.574.718	315.855.501.150
- Mua trong kỳ	-	-	1.415.516.364	-	1.415.516.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.977.186.438	479.503.600	-	-	2.456.690.038
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
Số dư cuối kỳ	171.170.593.853	118.032.833.984	27.601.497.497	1.598.574.718	318.403.500.052
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	62.670.840.270	111.103.217.485	24.149.472.148	1.598.574.718	199.522.104.621
- Khấu hao trong kỳ	7.603.908.589	2.348.566.202	1.285.984.154	-	11.238.458.945
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
Số dư cuối kỳ	70.274.748.859	113.451.783.687	24.111.248.802	1.598.574.718	209.436.356.066
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	106.522.567.145	6.450.112.899	3.360.716.485	-	116.333.396.529
Tại ngày cuối kỳ	100.895.844.994	4.581.050.297	3.490.248.695	-	108.967.143.986

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 51.966.278.766 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 141.030.668.730 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.855.866.885	129.855.866.885	88.926.189.105	88.926.189.105
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.646.131.123	84.646.131.123	53.598.164.037	53.598.164.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	43.214.793.600	43.214.793.600	-	-
Posco Daewoo Corporation	-	-	34.541.717.363	34.541.717.363
Công ty CP Luyện Thép cao cấp Việt Nhật	-	-	32.072.515.200	32.072.515.200
Phải trả nhà cung cấp khác	37.423.969.713	37.423.969.713	114.016.951.688	114.016.951.688
	295.140.761.321	295.140.761.321	323.155.537.393	323.155.537.393

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	38.018.630
- Trích trước tiền điện	-	253.013.003
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	659.000.000
	155.000.000	950.031.633

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	144.659.400	285.878.050
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	229.218.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.446.500	150.119.500
	568.324.688	665.216.338
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.461.558.786	118.671.488.786
	2.461.558.786	118.671.488.786
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
	-	116.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	45.951.049.915	45.206.103.228	-	744.946.687
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	80.344.809	80.344.809	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	131.068.232	131.068.232	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.213.602.400	10.660.092.057	12.513.602.400	-	3.360.092.057
Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	119.414.685	120.700.000	119.414.685	-	120.700.000
Thuế Thu nhập cá nhân	-	72.808.749	540.090.075	451.403.625	-	161.495.199
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	154.093.024	154.093.024	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	37.356.650	-	-	37.356.650
	-	5.405.825.834	57.678.794.762	58.660.030.003	-	4.424.590.593

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	349.339.627.683	349.339.627.683	3.171.255.231.585	3.176.994.859.268	343.600.000.000	343.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	254.800.000.000	254.800.000.000	2.591.902.065.596	2.550.602.065.596	296.100.000.000	296.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	70.939.627.683	70.939.627.683	429.250.981.589	452.690.609.272	47.500.000.000	47.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	23.600.000.000	23.600.000.000	150.102.184.400	173.702.184.400	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	357.339.627.683	357.339.627.683	3.178.555.231.585	3.184.994.859.268	350.900.000.000	350.900.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.300.000.000	7.300.000.000				

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2022	Hình thức đảm bảo (*)
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					296.100.000.000	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1509578/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2022	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 30/06/2023	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	296.100.000.000	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					47.500.000.000	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22.41.2811/2022-HĐCVHM/NHCT262- ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2022	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/11/2023	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	47.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
II	Vay dài hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên						
1.1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	7.300.000.000 Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 7.300.000.000 VND.	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	105.580.603.044	633.797.276.163
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	58.701.998.645	58.701.998.645
Chia cổ tức	-	-	-	-	(42.111.589.000)	(42.111.589.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(5.870.199.864)	(5.870.199.864)
Số dư cuối kỳ trước	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944
Số dư đầu kỳ này	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944
Tăng vốn trong kỳ này (*)	63.163.320.000	-	-	-	(63.163.320.000)	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	42.664.811.578	42.664.811.578
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	2.133.240.579	-	(6.399.721.737)	(4.266.481.158)
Số dư cuối kỳ này	484.279.210.000	69.835.386.699	37.438.754.991	1.959.882.008	89.402.582.666	682.915.816.364

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 6.316.738 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 63.167.380.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2021. Ngày 22/07/2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 01/08/2022. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 6.316.332 cổ phiếu.

(**) Căn cứ theo điều lệ công ty, Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5% và 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	155.250.000.000	32,06%	135.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	52.037.490.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	27.125.280.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	39.905.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	24.955.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	185.006.440.000	38,20%	160.880.690.000
	100%	484.279.210.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	484.279.210.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	63.163.320.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	484.279.210.000	421.115.890.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	229.218.788	253.677.538
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(42.136.047.750)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(42.136.047.750)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu</i>	(63.163.320.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(63.163.320.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	229.218.788	229.218.788

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	37.438.754.991	35.305.514.412
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	39.398.636.999	37.265.396.420

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.007,64	2.474,64

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.618.320.351.302	2.071.338.383.445
Doanh thu bán thành phẩm	2.325.709.983.873	1.905.785.820.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.715.437.411	12.264.444.027
	<u>4.955.745.772.586</u>	<u>3.989.388.647.918</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	<u>-</u>	<u>8.573.044.712</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.466.710.702	8.711.176.512
Hàng bán bị trả lại	1.003.252.909	1.786.108.226
Giảm giá hàng bán	-	2.028.481
	<u>7.469.963.611</u>	<u>10.499.313.219</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.585.237.057.050	2.054.479.989.782
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.207.595.600.664	1.729.269.588.320
Giá vốn của dịch vụ đã bán	12.279.666.929	13.983.580.345
	<u>4.805.112.324.643</u>	<u>3.797.733.158.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.522.789	27.362.532
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	756.091.996
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.779.534	-
	36.302.323	783.454.528

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.638.033.324	16.218.947.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.493.600	17.814.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	43.099
	21.652.526.924	16.236.804.414

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.501.274	2.579.466.291
Chi phí nhân công	13.055.805.620	11.003.067.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	912.646.936	1.052.430.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.128.369.645	46.000.798.653
Chi phí khác bằng tiền	1.174.584.594	881.072.827
	40.986.908.069	61.516.836.219
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	86.172.272

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.182.833	2.372.973.991
Chi phí nhân công	16.148.134.550	16.452.440.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.029.955.423	2.260.741.096
Thuế, phí, lệ phí	898.338.111	879.089.148
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.538.931.048	3.034.225.246
Chi phí khác bằng tiền	1.900.156.933	2.794.914.338
	27.574.963.453	30.985.084.284

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	400.000.000	359.556.158
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	206.364.188	591.829.956
Thu nhập khác	11.229.484	13.063.598
	617.593.672	964.449.712

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	294.128.331
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	120.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	158.056.650	179.941.364
Chi phí khác	21.596	270.150
	278.078.246	630.339.845

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.324.903.635	73.535.015.730
Các khoản điều chỉnh tăng	278.056.650	630.069.695
- Chi phí không hợp lệ	278.056.650	630.069.695
Các khoản điều chỉnh giảm	(302.500.000)	-
- Chi phí thuế bảng quảng cáo năm 2022 hạch toán chi phí năm 2021 theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước Khu vực I	(302.500.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.300.460.285	74.165.085.425
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	10.660.092.057	14.833.017.085
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	120.700.000	119.414.685
Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu nước ngoài	131.068.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	5.333.017.085	13.276.298.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(12.764.085.317)	(22.895.713.673)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.480.792.057	5.333.017.085

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.172.812.869.801	1.754.220.590.578
Chi phí nhân công	61.311.482.727	52.542.664.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.586.846.545	12.411.003.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.132.926.490	103.633.735.560
Chi phí khác bằng tiền	4.425.606.922	10.773.238.043
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
	<u>2.296.443.997.040</u>	<u>1.936.771.931.539</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	55.766.780.933	-	-	55.766.780.933
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.632.639.574	187.300.000	-	319.819.939.574
	<u>375.399.420.507</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>375.586.720.507</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	14.118.795.994	-	-	14.118.795.994
Phải thu khách hàng, phải thu khác	448.017.562.631	187.300.000	-	448.204.862.631
	<u>462.136.358.625</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>462.323.658.625</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	350.900.000.000	-	-	350.900.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	295.709.086.009	2.461.558.786	-	298.170.644.795
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	<u>646.764.086.009</u>	<u>2.461.558.786</u>	<u>-</u>	<u>649.225.644.795</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	357.339.627.683	7.300.000.000	-	364.639.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	323.820.753.731	118.671.488.786	-	442.492.242.517
Chi phí phải trả	950.031.633	-	-	950.031.633
	<u>682.110.413.047</u>	<u>125.971.488.786</u>	<u>-</u>	<u>808.081.901.833</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức (là công ty liên kết của Công ty) tổ chức họp Đại hội cổ đông và ra nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt từ năm 2017-2022 theo tỷ lệ 70%, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 20/02/2023. Thời gian dự kiến chi trả trong tháng 03 năm 2023.

Căn cứ theo danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ tức bằng tiền Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE dự kiến sẽ được hưởng là 60.875.640.000 VND (Sáu mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tương ứng với số lượng cổ phiếu sở hữu là 8.696.520 cổ phiếu (giá trị tương ứng mệnh giá là 86.965.200.000 VND).

Ngoài sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Bà Nguyễn Thị Nhi	Chủ tịch HĐQT
	Thành viên HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	8.573.044.712
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	8.573.044.712
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	86.172.272
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	86.172.272
Nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-
Chi trả hộ tiền điện	50.552.737.601	46.996.071.688
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	50.552.737.601	46.996.071.688
Thu lại tiền điện chi trả hộ	48.848.980.295	46.996.071.688
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	48.848.980.295	46.996.071.688

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	495.700.000	448.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	447.600.000	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	445.600.000	400.000.000
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	12.000.000	-
Ông Lê Quý Minh	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

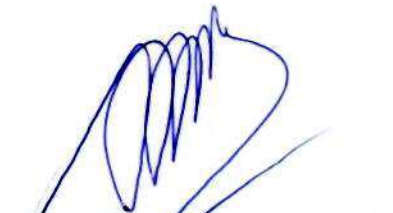
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Văn Lộc
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023